

TDT

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2361/QĐ-TTg
CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ
ĐẾN Giờ: S
Ngày: 25/12/15

Hà Nội, ngày 22 tháng 12 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Chương trình bảo vệ trẻ em giai đoạn 2016 - 2020

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em ngày 15 tháng 6 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 71/2011/NĐ-CP ngày 22 tháng 8 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em;

Căn cứ Quyết định số 1555/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2012 - 2020;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình bảo vệ trẻ em giai đoạn 2016 - 2020 (sau đây gọi là Chương trình) với những nội dung chủ yếu sau đây:

I. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Mục tiêu tổng quát:

Mọi trẻ em đều được bảo vệ để giảm nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt, chú trọng bảo vệ trẻ em để không bị xâm hại; trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được trợ giúp, chăm sóc để phục hồi, hòa nhập cộng đồng và có cơ hội phát triển.

2. Các mục tiêu cụ thể:

a) Giảm tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên tổng số trẻ em xuống còn 5%. Giảm tỷ lệ gia tăng số trẻ em bị xâm hại. Trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt được quản lý và có các biện pháp can thiệp, trợ giúp kịp thời.

b) 90% trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được trợ giúp, chăm sóc để phục hồi, hòa nhập cộng đồng và có cơ hội phát triển.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI CỦA CHƯƠNG TRÌNH

Trẻ em, ưu tiên trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em vùng dân tộc thiểu số, trẻ em ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn trên phạm vi toàn quốc.

III. NỘI DUNG CHÍNH CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Truyền thông, giáo dục, vận động xã hội nhằm nâng cao nhận thức, kiến thức và kỹ năng bảo vệ, chăm sóc trẻ em cho chính quyền các cấp, các tổ chức, gia đình, nhà trường, cộng đồng xã hội và bản thân trẻ em.

a) Tổ chức các chiến dịch truyền thông về bảo vệ trẻ em theo chủ đề nhằm thu hút sự tham gia của xã hội về bảo vệ trẻ em;

b) Nghiên cứu, xây dựng và phát triển các chương trình, sản xuất các tài liệu, sản phẩm truyền thông về bảo vệ, chăm sóc trẻ em;

c) Mở rộng các hình thức truyền thông, giáo dục về bảo vệ trẻ em phù hợp với từng nhóm đối tượng, địa bàn dân cư. Tổ chức các hình thức truyền thông trực tiếp tại cộng đồng, trong trường học về kiến thức, kỹ năng bảo vệ, chăm sóc trẻ em cho cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em và bản thân trẻ em.

2. Củng cố hệ thống tổ chức, nhân lực và nâng cao năng lực cho đội ngũ công chức, viên chức, cộng tác viên làm công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em.

a) Duy trì và nâng cao hiệu quả hoạt động của ban chỉ đạo, ban điều hành, nhóm công tác liên ngành về bảo vệ trẻ em, nhóm trẻ em nông cốt ở các tỉnh, huyện, xã; củng cố đội ngũ công chức, viên chức làm công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em các cấp, đặc biệt là cấp xã; xây dựng và thực hiện đề án phát triển đội ngũ cộng tác viên ở cơ sở đáp ứng nhu cầu của công tác bảo vệ trẻ em;

b) Nghiên cứu, xây dựng chương trình, tài liệu và tổ chức đào tạo, tập huấn cho đội ngũ công chức, viên chức trong hệ thống quản lý nhà nước về bảo vệ, chăm sóc trẻ em, thành viên của ban chỉ đạo, ban điều hành, nhóm công tác liên ngành về bảo vệ trẻ em các cấp, đội ngũ cộng tác viên làm công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em;

c) Tổ chức trao đổi, chia sẻ, học tập kinh nghiệm trong nước và ngoài nước về xây dựng hệ thống bảo vệ trẻ em, về mô hình tổ chức cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em.

3. Phát triển hệ thống cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em chuyên nghiệp, có đủ điều kiện đáp ứng nhu cầu cần sự bảo vệ của mọi trẻ em.

a) Xây dựng các loại hình cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em, bao gồm cả cơ sở công lập và cơ sở ngoài công lập đáp ứng yêu cầu của công tác bảo vệ trẻ em;

b) Nghiên cứu, xây dựng văn bản quy phạm pháp luật quy định chức năng, nhiệm vụ, điều kiện thành lập, hoạt động và giải thể của cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em;

c) Xây dựng danh mục tiêu chuẩn, quy trình tiếp nhận và cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em. Tổ chức tiếp nhận và quản lý trường hợp đối với trẻ em cần sự can thiệp, trợ giúp để đáp ứng kịp thời việc cung cấp các dịch vụ bảo vệ trẻ em hiệu quả.

4. Xây dựng, hoàn thiện hệ thống theo dõi, giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình.

a) Xây dựng bộ chỉ tiêu theo dõi, giám sát, đánh giá tình hình và kết quả thực hiện Chương trình; xây dựng hệ thống phần mềm theo dõi thông tin về bảo vệ trẻ em tích hợp với hệ thống thống kê dữ liệu về bảo vệ, chăm sóc trẻ em;

b) Tổ chức khảo sát đánh giá đầu kỳ, giữa kỳ và cuối kỳ về kết quả thực hiện Chương trình.

5. Nâng cao năng lực, hoàn thiện thể chế về bảo vệ trẻ em trong quá trình tố tụng và xử lý vi phạm hành chính.

a) Biên soạn, xây dựng tài liệu, tổ chức tập huấn cho đội ngũ công chức, viên chức trực tiếp làm việc với trẻ em và người chưa thành niên trong quá trình tố tụng và xử lý vi phạm hành chính;

b) Nghiên cứu, đề xuất việc áp dụng các biện pháp bảo vệ trẻ em vi phạm pháp luật, trẻ em có liên quan đến quá trình tố tụng và xử lý vi phạm hành chính, chú trọng các biện pháp xử lý không chính thức; xây dựng mô hình phòng ngừa, quản lý, giáo dục trẻ em vi phạm pháp luật tại cộng đồng;

c) Duy trì và mở rộng mô hình phòng điều tra, xét xử thân thiện đối với trẻ em.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền đối với công tác bảo vệ trẻ em. Nâng cao hiệu quả hoạt động và điều hành của ban chỉ đạo, ban điều hành bảo vệ trẻ em các cấp; bố trí đủ nhân lực, kinh phí và các điều kiện cần thiết khác cho việc thực hiện công tác bảo vệ trẻ em. Đưa các mục tiêu bảo vệ trẻ em vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 5 năm và hàng năm ở Trung ương và địa phương. Duy trì việc thực hiện hiệu quả cơ chế báo cáo, thông tin tới các cấp về công tác bảo vệ trẻ em.

2. Đẩy mạnh thông tin, truyền thông, giáo dục, vận động xã hội nhằm nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi về bảo vệ trẻ em của chính quyền các cấp, các tổ chức, gia đình, nhà trường, cộng đồng xã hội và trẻ em.

3. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ bảo vệ, chăm sóc trẻ em hàng năm, giữa kỳ và cuối kỳ; phát hiện, xử lý kịp thời các hành vi vi phạm quyền trẻ em.

4. Huy động sự tham gia của các cơ quan, các tổ chức xã hội, các doanh nghiệp cho việc thực hiện Chương trình.

5. Tăng cường hợp tác quốc tế nhằm tranh thủ nguồn lực, kinh nghiệm về bảo vệ trẻ em.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Chương trình bao gồm:

- Ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm của các Bộ, ngành, cơ quan Trung ương và các địa phương; Chương trình mục tiêu Hỗ trợ phát triển hệ thống trợ giúp xã hội giai đoạn 2016 - 2020 theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước;

- Tài trợ, viện trợ của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài;

- Các nguồn hợp pháp khác.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng kế hoạch triển khai, thực hiện Chương trình;

b) Xây dựng và tổ chức thực hiện các hoạt động của Chương trình theo chức năng, nhiệm vụ được giao;

c) Hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá, tổng hợp tình hình và kết quả thực hiện Chương trình; tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện Chương trình và định kỳ báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

2. Bộ Tài chính bố trí kinh phí thực hiện Chương trình trong dự toán ngân sách hàng năm của các cơ quan Trung ương và địa phương theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước; thanh tra, kiểm tra việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình.

3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, bố trí vốn đầu tư phát triển để thực hiện Chương trình theo quy định của pháp luật về đầu tư công; vận động các nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) cho việc thực hiện nhiệm vụ và giải pháp của Chương trình.

4. Bộ Tư pháp tăng cường hướng dẫn, thường xuyên kiểm tra việc tổ chức thực hiện hoạt động trợ giúp pháp lý cho trẻ em; bảo đảm hiệu lực quản lý nhà nước về công tác nuôi con nuôi; đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật liên quan đến bảo vệ, chăm sóc trẻ em; tổ chức nâng cao năng lực, hoàn thiện thể chế về bảo vệ trẻ em trong quá trình tố tụng và xử lý vi phạm hành chính.

5. Bộ Công an xây dựng và thực hiện kế hoạch đấu tranh, phòng ngừa tội phạm xâm hại trẻ em, tội phạm trong lứa tuổi trẻ em; tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả việc quản lý, giáo dục trẻ em vi phạm pháp luật ở các trường giáo dưỡng, trại giam; xây dựng và áp dụng quy trình điều tra thân thiện với trẻ em vi phạm pháp luật.

6. Bộ Giáo dục và Đào tạo triển khai xây dựng môi trường lành mạnh, không có bạo lực trong nhà trường và các cơ sở giáo dục; tiếp tục triển khai có hiệu quả phong trào thi đua “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”; bồi dưỡng, nâng cao nhận thức, năng lực về bảo vệ trẻ em cho cán bộ quản lý, giáo viên, cán bộ phụ trách công tác Đoàn - Đội; tích hợp việc giáo dục kỹ năng sống, kỹ năng tự bảo vệ, kỹ năng giao tiếp, ứng xử tích cực cho học sinh vào chương trình giáo dục trong nhà trường và các cơ sở giáo dục.

7. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội nghiên cứu, đề xuất chính sách bảo vệ trẻ em trong các hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, quản lý chặt chẽ việc xuất bản các sản phẩm văn hóa và việc tổ chức các hoạt động văn hóa đảm bảo cho trẻ em được tiếp cận môi trường văn hóa lành mạnh.

8. Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội nghiên cứu, đề xuất chính sách bảo vệ trẻ em tiếp cận, sử dụng các nguồn thông tin, phương tiện truyền thông lành mạnh và bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng.

9. Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội nghiên cứu, đề xuất các quy định về việc kiện toàn và nâng cao năng lực đội ngũ công chức, viên chức làm công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em các cấp.

10. Bộ Y tế chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn về chăm sóc và hỗ trợ trẻ em bị xâm hại, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

11. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện các kế hoạch hoạt động hàng năm về bảo vệ trẻ em phù hợp với Chương trình và các văn bản hướng dẫn của các Bộ, ngành chức năng có liên quan; lồng ghép thực hiện có hiệu quả Chương trình với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và các chương trình khác có liên quan của địa phương; chủ động bố trí ngân sách, nhân lực của địa phương để thực hiện Chương trình; đẩy mạnh phối hợp liên ngành trong việc thực hiện hoạt động bảo vệ trẻ em; kiểm tra, thanh tra định kỳ, đột xuất việc thực hiện Chương trình; định kỳ hàng năm báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về kết quả thực hiện Chương trình để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

12. Căn cứ vào nội dung hoạt động tại phần III, Điều 1 của Quyết định và chức năng, nhiệm vụ được giao, các Bộ, ngành, địa phương lập dự toán kinh phí triển khai thực hiện Chương trình trong dự toán chi hàng năm của cơ quan, đơn vị mình theo phân cấp của Luật Ngân sách nhà nước; định kỳ hàng năm báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về kết quả thực hiện Chương trình để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

13. Đề nghị Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các tổ chức thành viên khác của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, các tổ chức chính trị - xã hội, Hội Bảo vệ quyền trẻ em Việt Nam và các tổ chức xã hội trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, tham gia tổ chức triển khai các hoạt động của Chương trình; đẩy mạnh công tác truyền thông, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức về bảo vệ, chăm sóc trẻ em; tham gia xây dựng pháp luật, chính sách và giám sát việc thực hiện Chương trình.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ: PL, KTTH, TCCV;
- Lưu: VT, KGVX (03b).KN 140



Vũ Đức Đam